TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/10/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa.
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58^{A}/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34^{A}/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 44^{A}/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 244/2019/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh ngày 04/9/1984.

Địa chỉ cư trú: thôn C, xã Nh, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị **Đỗ Thị Th**, sinh ngày 02/9/1987.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn C, xã Nh, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

Địa chỉ hiện nay: 1.., No.1, Aly.32, Ln.81, ST., Sh Dist., Tp City, Đài Loan (R.O.C).

3. Người làm chứng: Ông Đỗ Văn Nh, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu dân cư K Đ, phường V A, thành phố Ch L, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th quen nhau năm 2008, sau khi tìm hiểu khoảng 02 năm thì kết hôn. Ngày 09/3/2010 đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh T, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm, đến năm 2014 do kinh tế khó khăn nên chị Th xuất cảnh lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do anh phát hiện chị Th có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác. Năm 2017 chị Th về Việt Nam, anh và gia đình đã khuyên giải để chị Th ở Việt Nam để vợ chồng cùng chung sống và nuôi dạy con nhưng được khoảng 01 tháng thì chị Th tự ý về nhà mẹ để sau đó lại đi Đài Loan. Từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau, chị Th cũng không quan tâm đến anh và các con. Đến nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là Phạm Thanh Th sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Bảo L sinh ngày 22/3/2013, hiện đang ở với anh Q. Khi ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Anh Q tự nguyện chịu cả chi phí ủy thác tư pháp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh chị Đỗ Thị Th hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc để tống đạt và lấy lời khai của chị Th quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên tòa nhưng chị Th đều vắng mặt, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện quan điểm của chị Th cũng như kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Ngày 23/7/2019 Tòa án tiếp tục có Công văn yêu cầu Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc thông báo kết quả ủy thác đồng thời niêm yết, công khai trên cổng thông tin điện tử thông báo lịch phiên tòa nhưng chị Th vẫn vắng

mặt và Tòa án cũng không nhận được các tài liệu thể hiện quan điểm của chị Thanh và thông báo kết quả niêm yết, công bố văn bản.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bố mẹ đẻ của chị Th là ông Đỗ Văn Nh và bà Phạm Thị Th. Ông Nh và bà Th trình bày không rõ địa chỉ cụ thể của chị Th ở Đài Loan nhưng vẫn liên lạc với chị Th, ông bà đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Th. Quan điểm của chị Th là nhất trí ly hôn với anh Q, anh Q yêu cầu nuôi dưỡng các con chị cũng đồng ý, không có yêu cầu gì. Đồng thời do điều kiện công việc nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận xử cho anh Phạm Văn Q ly hôn chị Đỗ Thị Th, giao các con chung cho anh Quỳnh trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đỗ Thị Th hiện đang lao động tại Đài Loan, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở Đài Loan để tống đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của chị Đỗ Thị Th nhưng không có kết quả. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 474; Tòa án đã niêm yết, công bố trên cổng thông tin điện tử Tòa án đồng thời có công văn yêu cầu Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Đài Loan niêm yết, công bố trên cổng thông tin điện tử để thông báo cho chị Thanh nội dung vụ án cũng như lịch phiên tòa nhưng chị Th vẫn vắng mặt, không có văn bản thể hiện quan điểm. Tòa án đã tiến hành tống đạt qua người thân của chị Th ở Việt Nam và niêm yết theo đúng quy định. Chị Th đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Q, đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh Q, chị Th vắng mặt, đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Q, chị Th là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Th tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 09/3/2010 đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng

04 năm, đến năm 2014 do kinh tế khó khăn nên chị Th xuất cảnh lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q cho rằng chị Th có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Năm 2017 chị Th về Việt Nam, anh và gia đình đã khuyên giải để chị Th ở Việt Nam nhưng chị Th vẫn tiếp tục sang Đài Loan lao động, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Xét thất tình trạng giữa anh Q và chị Th đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đau lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Q. Do đó cần chấp nhận cho anh Q được ly hôn chị Th là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Q và chị Th có 02 con chung là Phạm Thanh Th sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Bảo L sinh ngày 22/3/2013. Xét thấy hiện chị Th không có ở Việt Nam để chăm sóc các con chung, các con chung đã sống ổn định với anh Q và cũng có nguyện vọng tiếp tục ở với anh Q. Do đó cần chấp nhận cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Q xác định vợ chồng không có không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Th cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q tự nguyện chịu cả chi phí ủy thác tư pháp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Đỗ Thị Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thanh Th sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Bảo L sinh

ngày 22/3/2013 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Đỗ Thị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2017/0004299 ngày 04/9/2018. Anh Q đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Đỗ Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
-Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nh; Gi L;
- UBND phường C , Ch L;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN